

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST.

Ngày: 01-3-2022

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hình và ông Đào Duy Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số A, thôn Đ, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị Tuyết N, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số C, thôn Đ, xã G, huyện D, Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Vợ chồng ông Khuất Vũ Duy H, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số B, thôn Đ, xã G, huyện D, Lâm Đồng. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2021 và các tài liệu chứng cứ, của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 01-02-2018 bà cho bà Phạm Thị Tuyết N vay số tiền 190.000.000 đồng, khi vay có làm hợp đồng vay tiền, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay cuối năm 2018.

Đến ngày 28-01-2019 hai bên chốt nợ, bà N và bà T còn nợ bà số tiền gốc 130.000.000 đồng. Việc vay tiền bà Nguyễn Thị Mai T cùng ký và ghi họ tên vào bên đi vay.

Hợp đồng vay tiền ngày 01-02-2018 đóng dấu Công ty trách nhiệm hữu hạn H là để làm tin, bà không có giao dịch gì với Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Bà Nguyễn Thị Mai T là người trực tiếp nhận số tiền vay.

Nay yêu cầu bà Phạm Thị Tuyết N, vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai T, ông Khuất Vũ Duy H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 28-01-2019 đến ngày 01-3-2022 là 24 tháng (*chỉ tính tròn 24 tháng*) x 1,66%/tháng, thành tiền là 51.792.000 đồng, tổng cộng là 181.792.000 đồng, theo phần bà N trả cho bà 90.896.000 đồng, phần vợ chồng bà T, ông H trả cho bà 90.869.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh: Hợp đồng vay tiền ngày 01-02-2018 và Giấy viết tay ngày 28-01-2019.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị Tuyết N, vợ chồng ông Khuất Vũ Duy H, bà Nguyễn Thị Mai T đều vắng mặt không rõ lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi và niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà N, ông H và bà T đều vắng mặt, nên Tòa án không lấy lời khai của bà N, ông H và bà T được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Phạm Thị Tuyết N, vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai T, ông Khuất Vũ Duy H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi là 51.792.000 đồng, tổng cộng là 181.792.000 đồng, theo phần bà N trả cho bà N số tiền 90.896.000 đồng, phần vợ chồng bà T, ông H trả cho bà N số tiền 90.869.000 đồng. Buộc bị đơn bà N, bà T và ông H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự với bà Phạm Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị Mai T, ông Khuất Vũ Duy H. Bà N, bà T và ông H hiện đang cư trú tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà N, vợ chồng bà T và ông H đều được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh và Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà N khởi kiện bà Phạm Thị Tuyết N và vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai T, ông Khuất Vũ Duy H vay số tiền 190.000.000 đồng của bà N đến nay

chưa trả hết. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định giữa bà Nguyễn Thị N và bà N, bà T và ông H là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 01-02-2018 bà Nguyễn Thị N cho bà Phạm Thị Tuyết N vay số tiền 190.000.000 đồng, khi vay có lập hợp đồng vay tiền, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay cuối năm 2018. Bà N ký tên, đóng dấu “Phạm Thị Tuyết N” và đóng dấu Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Bà T ký và ghi họ tên “Nguyễn Thị Mai T” dưới mục “BÊN B (*Bên đi vay*)” xác định bà N và bà T vay tiền bà N. Bà N trình bày tại Hợp đồng vay tiền ngày 01-02-2018 đóng dấu Công ty trách nhiệm hữu hạn H là để làm tin, bà không có giao dịch gì với Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Mục đích vay để kinh doanh mua bán. Đến ngày 28-01-2019 hai bên chốt nợ, bà N và bà T còn nợ bà N số tiền gốc 130.000.000 đồng. Bà N nhiều lần đòi nhưng bà N, vợ chồng bà T, ông H vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay.

Nay bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Phạm Thị Tuyết N, vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai T, ông Khuất Vũ Duy H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 28-01-2019 đến ngày 01-3-2022 là 24 tháng (*chỉ tính tròn 24 tháng*) x 1,66%/tháng, thành tiền là 51.792.000 đồng, tổng cộng là 181.792.000 đồng, theo phần bà N trả cho bà N số tiền 90.896.000 đồng, phần vợ chồng bà T, ông H trả cho bà N số tiền 90.869.000 đồng.

Về tiền lãi: Giao dịch dân sự vay tài sản được thực hiện ngày 01-02-2018, hai bên thỏa thuận 2%/tháng, tuy nhiên tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cần chấp nhận.

Bà T và ông H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện, nên buộc vợ chồng bà T và ông H cùng chịu trách nhiệm liên đới trả tiền vay còn nợ cho bà Nguyễn Thị N.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà N và vợ chồng ông H, bà T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh tại khoản 4 của Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị N xác định giữa bà và bà N, vợ chồng ông H, bà T có quan hệ quen biết, ngoài lần cho vay này giữa bà và bà N, vợ chồng ông H, bà T, Công ty TNHH H không có bất cứ giao dịch dân sự nào khác. Số tiền 190.000.000 đồng bà cho bà N và vợ chồng ông H, bà T vay, không cho Công ty TNHH H vay số tiền trên, việc đóng dấu Công ty bên đi vay chỉ để làm tin.

Như vậy, bà Nguyễn Thị N khởi kiện bà Phạm Thị Tuyết N và vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai T, ông Khuất Vũ Duy H là có cơ sở, cần áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bà Phạm Thị Tuyết N và vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai T, ông Khuất Vũ Duy H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 28-01-2019 đến ngày 01-3-

2022 là 24 tháng (*chỉ tính tròn 24 tháng*) x 1,66%/tháng, thành tiền là 51.792.000 đồng, tổng cộng là 181.792.000 đồng theo phần bà N trả cho bà N số tiền 90.896.000 đồng, phần vợ chồng bà T, ông H trả cho bà N số tiền 90.869.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Tuyết N và vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai T, ông Khuất Vũ Duy H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi là 51.792.000 đồng, tổng cộng là 181.792.000 đồng; Theo phần bà Phạm Thị Tuyết N trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 90.896.000 đồng (*Chín mươi triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng*), phần vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai T, ông Khuất Vũ Duy H trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 90.869.000 đồng (*Chín mươi triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.544.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai T, ông Khuất Vũ Duy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.544.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

Hoàn trả bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí 5.095.000 đồng (*Năm triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006317 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị Tuyết N, bà

Nguyễn Thị Mai T và ông Khuất Vũ Duy H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ